

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng Trường Đại học Quy Nhơn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2525/QĐ-ĐHQN, ngày 14 tháng 12 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại Trường Đại học Quy Nhơn (ĐHQN), gồm: Đối tượng thi đua, khen thưởng; nguyên tắc thi đua, khen thưởng; nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng; nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua, các danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định, thủ tục đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và tổ chức trao tặng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và quỹ thi đua, khen thưởng;

2. Công tác thi đua, khen thưởng Trường thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi chung là Nghị định số 42/2010/NĐ-CP); Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi chung là Nghị định số 39/2012/NĐ-CP); Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 (sau đây gọi chung là Nghị định số 65/2014/NĐ-CP); Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 (sau đây gọi chung là Thông tư số 07/2014/TT-BNV); Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT ngày 31/12/2015 hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành giáo dục (sau đây gọi chung là Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT) và Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thi đua gồm:

a) Các khoa, phòng, trung tâm, trạm và đơn vị khối văn phòng Đảng, đoàn thể trực thuộc Trường ĐHQN;

b) Công chức (CC), viên chức (VC), người lao động (NLĐ) bao gồm cả người đang trong thời gian tập sự, hợp đồng từ 01 năm trở lên làm việc tại các đơn vị quy định tại Điểm a Khoản này;

c) Sinh viên, học viên đang học tập, nghiên cứu tại Trường.

2. Đối tượng khen thưởng gồm:

a) Các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Các tổ chức, cá nhân không thuộc Trường ĐHQN có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển Nhà trường.

Điều 3. Nguyên tắc bình xét thi đua, khen thưởng

1. Việc xét khen thưởng được tiến hành khi tổng kết năm học, tổng kết các cuộc vận động, thi đua theo chuyên đề hoặc khi phát hiện gương người tốt, việc tốt.

2. Các cuộc họp xét danh hiệu thi đua, khen thưởng được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 tổng số CCVC và NLĐ hoặc thành viên của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường tham dự.

3. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, Bằng khen Bộ trưởng, Tỉnh, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các hạng phải đạt từ 70% số phiếu đồng ý trở lên tính trên tổng số người tham gia họp hoặc được xin ý kiến.

4. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước phải được các thành viên của Hội đồng bỏ phiếu kín và đạt từ 90% số phiếu đồng ý trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng cấp đó (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu).

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Phòng Hành chính - Tổng hợp có trách nhiệm tham mưu đề xuất với Hiệu trưởng và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp tổ chức, phát động phong trào thi đua trong toàn trường; hướng dẫn đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, công tác khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt trong trường; giúp Hội đồng thẩm định hồ sơ thi đua, xét tặng khen thưởng, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường xem xét, trình Hiệu trưởng xét tặng theo thẩm quyền hoặc trình Hiệu trưởng để Hiệu trưởng trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Trường các đơn vị trực thuộc Trường có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức đoàn thể cùng cấp để cụ thể hóa nội dung, chỉ tiêu, biện pháp tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

4. Các tổ chức đoàn thể, đơn vị liên quan có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền công tác thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong các phong trào thi đua; đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

5. Đơn vị, cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo Quy định này và các quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị lên cấp trên.

Chương II

TỔ CHỨC PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO THI ĐUA; DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

a) Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo khối, cụm thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm học, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các khối, cụm thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

b) Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ phát động thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian.

Thi đua theo chuyên đề tổ chức trong phạm vi bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương, khi tiến hành sơ kết, tổng kết, lãnh đạo các bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức trong phạm vi cả nước, khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua từ 03 năm trở lên, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét tặng Bằng khen; từ 05 năm trở lên lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc đề nghị Chủ tịch nước xét tặng "Huân chương Lao động" hạng ba.

Khi tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề có phạm vi trong tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc phạm vi ngành và lĩnh vực thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương có thời gian từ 03 năm trở lên, các bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương gửi kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để tổng hợp và hướng dẫn xét khen thưởng.

c) Không khen thưởng cấp Nhà nước (Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương) cho các tập thể hoặc cá nhân khi bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung

JC
TRƯ
ĐẠI
QUY
B

ương tiên hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn...

2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và những nội dung sau:

a) Phong trào thi đua có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện; nội dung bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để đề ra nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

b) Căn cứ vào nội dung, chỉ tiêu của phong trào thi đua để xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với thực tế và để làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết.

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện chú trọng công tác chỉ đạo điềm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

Điều 6. Đăng ký thi đua

1. Các đơn vị trực thuộc Trường tổ chức cho các cá nhân, tập thể đăng ký thi đua và gửi về Phòng Hành chính - Tổng hợp (Bộ phận thi đua, khen thưởng) trước ngày 15 tháng 10 hàng năm.

2. Các cá nhân, tập thể đăng ký thi đua theo mẫu và theo thời gian quy định.

Điều 7. Các danh hiệu thi đua

1. Đối với cá nhân gồm: “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

2. Đối với đơn vị gồm: “Tập thể lao động tiên tiến”; “Tập thể lao động xuất sắc”; “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo”, “Cờ thi đua của Chính phủ”.

3. Các danh hiệu thi đua được xét tặng hàng năm vào thời điểm kết thúc năm học.

Điều 8. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” (LĐTT)

Danh hiệu LĐTT được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Tiêu chuẩn chung:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;

b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy định của nhà trường, đơn vị; có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia đầy đủ các cuộc họp, các buổi học tập chính trị, báo cáo thời sự, các hoạt động chung của Nhà trường theo quy định;

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Tiêu chuẩn cụ thể:

a) Đối với CCVC giảng dạy:

- Lên lớp đúng giờ; đảm bảo giảng dạy đúng tiến độ, kế hoạch đào tạo của trường quy định;

- Thực hiện đủ khối lượng, nội dung kiến thức của môn học theo quy định hiện hành;

- Có tài liệu giảng dạy nộp cho Nhà trường, khi lên lớp và cung cấp cho sinh viên.

b) Đối với CCVC hành chính, NLĐ:

- Đảm bảo thời gian làm việc theo quy định;

- Hoàn thành định mức và chất lượng công việc được giao đúng tiến độ, kế hoạch;

3. Đối với trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng, hợp tác nghiên cứu từ 03 tháng đến dưới 01 năm, nếu có giấy xác nhận hoàn thành chương trình của cơ sở đào tạo hoặc của người hướng dẫn thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại Trường để được bình xét danh hiệu LĐTĐ.

Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng, hợp tác nghiên cứu từ 01 năm trở lên, nếu có giấy xác nhận hoàn thành tiến độ học tập, nghiên cứu của cơ sở đào tạo hoặc người hướng dẫn thì được xét tặng danh hiệu LĐTĐ.

4. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu LĐTĐ. Cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu LĐTĐ.

5. Đối với cá nhân chuyển công tác sang đơn vị khác trong Trường hoặc chuyển công tác về Trường, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu LĐTĐ (trường hợp có thời gian công tác ở đơn vị cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ).

6. Không xét tặng danh hiệu LĐTĐ đối với một trong các trường hợp sau:

- Viên chức mới tuyển dụng dưới 10 tháng; nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên; bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

- Giảng viên tự ý cắt giảm giờ dạy; bỏ dạy không có lý do; đổi giờ dạy không có kế hoạch, không báo cáo trước với khoa, phòng quản lý đào tạo.

Điều 9. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” (CSTĐCS)

Danh hiệu CSTĐCS được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Tiêu chuẩn chung:

a) Là LĐTĐ;

b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được nhà trường công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH) cấp Trường trở lên đã nghiệm thu được áp dụng hoặc có thành tích được tính là sáng kiến áp dụng xét, công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

V A
NG
HOC
NH
★

Tiêu chuẩn này phải đạt tối thiểu 1 điểm (được tính theo Phụ lục 1).

2. Tiêu chuẩn cụ thể:

a) Đối với CCVC giảng dạy:

- Thực hiện đủ định mức giờ chuẩn quy đổi;
- Có ý thức trong việc đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, phát triển năng lực và phẩm chất cho người học.

b) Đối với CCVC hành chính, NLĐ:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;
- Có ý thức trong việc cải tiến lề lối làm việc, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng suất lao động.

3. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, các trưởng, phó đơn vị đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này và đơn vị do cá nhân quản lý phải đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

4. Tỷ lệ CSTĐCS không quá 15% số cá nhân đạt danh hiệu LĐTT của đơn vị, trong đó đảm bảo không quá 1/3 là viên chức quản lý, nếu có số dư thì được làm tròn lên. (Viên chức quản lý gồm Trưởng bộ môn trở lên; đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng không tính vào tỷ lệ viên chức quản lý của đơn vị).

5. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng, hợp tác nghiên cứu từ 01 năm trở lên thì không xét danh hiệu CSTĐCS.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” (CSTĐCB)

1. Danh hiệu CSTĐCB được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có 03 lần liên tục đạt danh hiệu CSTĐCS;

b) Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài NCKH của cá nhân đó có tác dụng ảnh hưởng đối với Bộ, ngành và do Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp Bộ xem xét, công nhận.

2. Một số thành tích được tính là sáng kiến áp dụng khi xét, công nhận danh hiệu CSTĐCB:

a) Tham gia soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành theo quyết định phân công của người có thẩm quyền;

b) Giảng viên trực tiếp giảng dạy, bồi dưỡng được 01 sinh viên đạt một trong các giải nhất, nhì, ba hoặc Huy chương Vàng, Bạc, Đồng trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế;

c) Tham gia biên soạn chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông đã được nghiệm thu;

d) Giảng viên đạt giải nhất, nhì, ba trong các hội thi do cấp tỉnh, Bộ tổ chức.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” (CSTĐTQ)

1. Danh hiệu CSTĐTQ được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu CSTĐCB trong đó có 06 năm liên tục đạt danh hiệu CSTĐCS.

2. Sáng kiến, đề tài NCKH để làm căn cứ xét tặng danh hiệu CSTĐTQ phải đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp Bộ có trách nhiệm giúp người đứng đầu xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài NCKH.

3. Thời điểm xét danh hiệu CSTĐTQ là năm liền kề với năm đạt danh hiệu CSTĐCB lần thứ hai.

Điều 12. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” (TTLĐTT)

Danh hiệu TTLĐTT được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Tiêu chuẩn chung:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu LĐTT và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy định của nhà trường, đơn vị.

2. Tiêu chuẩn cụ thể:

a) Đối với các đơn vị đào tạo

- Thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định trong đào tạo; đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; không ngừng cải tiến, hoàn thiện phương thức tổ chức và quản lý đào tạo;

- Thực hiện đủ khối lượng, nội dung kiến thức các môn học trong chương trình; bảo đảm đúng tiến độ, kế hoạch đào tạo, kế hoạch giảng dạy năm học;

- Làm tốt công tác quản lý sinh viên trong học tập, sinh hoạt và thực hiện quy định nếp sống văn hóa văn minh trong nhà trường.

b) Đối với các đơn vị quản lý, phục vụ đào tạo

- Hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch; thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao, trong đó chú trọng phục vụ tốt hoạt động đào tạo;

- Có biện pháp thiết thực, hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành; phối hợp có hiệu quả với các đơn vị để cùng hỗ trợ hoàn thành tốt nhiệm vụ; tạo điều kiện thuận lợi cho viên chức, sinh viên học tập, công tác tốt;

- Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chuẩn hóa đội ngũ viên chức đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao.



Điều 13. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” (TTLĐXS)

1. Tiêu chuẩn chung:

TTLĐXS là tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu TTLĐTT. Danh hiệu TTLĐXS được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu LĐTT;

d) Có cá nhân đạt danh hiệu CSTĐCS và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy định của nhà trường, đơn vị.

2. Tiêu chuẩn cụ thể:

a) Đối với các đơn vị đào tạo

- Đạt nhiều thành tích trong nghiên cứu khoa học (có nhiều đề tài NCKH các cấp; nhiều bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí và kỷ yếu hội nghị khoa học trong nước và quốc tế);

- Tham gia biên soạn sách chuyên khảo, sách tham khảo, giáo trình đã xuất bản; biên soạn giáo trình lưu hành nội bộ, tài liệu giảng dạy môn học trong chương trình đào tạo;

- Sinh viên tham gia NCKH đạt kết quả tốt, hoặc đạt giải thưởng các cấp.

b) Đối với các đơn vị quản lý, phục vụ đào tạo

Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp nghiệp vụ hoặc ứng dụng tiên bộ kỹ thuật để tăng chất lượng, hiệu quả công tác được Nhà trường công nhận hoặc có đề tài NCKH cấp Trường trở lên đã nghiệm thu được áp dụng hoặc được giao chủ trì soạn thảo các quy chế, quy định, đề án được Hiệu trưởng ký ban hành áp dụng trong Trường.

Điều 14. Cờ thi đua của Bộ GD-ĐT

1. Cờ thi đua của Bộ GD-ĐT xét tặng cho đơn vị đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của cấp bộ, ngành;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, và các tệ nạn xã hội khác.

2. Việc tặng Cờ thi đua của Bộ cho đơn vị tiêu biểu xuất sắc được thực hiện thông qua đánh giá, bình xét, suy tôn trong khối, vùng thi đua. Bộ trưởng Bộ GD-ĐT quyết định cụ thể số lượng Cờ tặng cho đơn vị trong khối, vùng thi đua.

3. Kết thúc năm học, Trường lựa chọn 02 đơn vị dẫn đầu, tiêu biểu xuất sắc trong số các khoa, phòng, ban và các tổ chức tương đương đề nghị Bộ xét tặng Cờ thi đua.

Điều 15. “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho các tập thể sau:

a) Các tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;

b) Các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

2. Số lượng tập thể đề nghị xét tặng “Cờ thi đua Chính phủ” không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

Chương III

HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 16. Các hình thức khen thưởng

1. Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước:

a) Huân chương: “Huân chương Sao vàng”; “Huân chương Hồ Chí Minh”; “Huân chương Độc lập” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; “Huân chương Lao động” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; “Huân chương Dũng cảm”, “Huân chương Hữu nghị”;

b) Danh hiệu vinh dự nhà nước: “Anh hùng Lao động”; “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”;

c) Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước;

d) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các hình thức khen thưởng của Bộ GD-ĐT: Bằng khen Bộ trưởng, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”.

3. Hình thức khen thưởng của Tỉnh: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Hình thức khen thưởng của Nhà trường: Giấy khen của Hiệu trưởng.

Điều 17. Tiêu chuẩn xét tặng “Huân chương Sao vàng”

Huân chương Sao vàng để tặng cho tập thể; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Điều 7 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP, Điều 13 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Điều 18. Tiêu chuẩn xét tặng “Huân chương Hồ Chí Minh”

Huân chương Hồ Chí Minh để tặng cho tập thể; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Điều 8 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP, Điều 13 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Điều 19. Tiêu chuẩn xét tặng “Huân chương Độc lập” hạng nhất

1. Huân chương độc lập (HCĐL) hạng nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân lập được thành tích đặc biệt xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác được Nhà nước công nhận.

2. HCĐL hạng nhất để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng HCĐL hạng nhì, 10 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 04 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc có 04 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

Điều 20. Tiêu chuẩn xét tặng “Huân chương Độc lập” hạng nhì

1. HCĐL hạng nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân lập được nhiều thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác, được cấp có thẩm quyền công nhận, đề nghị.

2. HCĐL hạng nhì để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng HCĐL hạng ba, 10 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc có 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

Điều 21. Tiêu chuẩn xét tặng “Huân chương Độc lập” hạng ba

1. HCĐL hạng ba dành tặng hoặc truy tặng cho cá nhân lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác được cấp có thẩm quyền công nhận, đề nghị.

2. HCĐL hạng ba để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng HCLĐ hạng nhất, 10 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh;

c) Có quá trình xây dựng và phát triển từ 30 năm trở lên.

Điều 22. Tiêu chuẩn xét tặng “Huân chương Lao động” hạng nhất

1. Huân chương Lao động (HCLĐ) hạng nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc, có nhiều sáng tạo trong lao động, xây dựng Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả cao có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc hoặc có công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp nhà nước;

b) Đã được tặng thưởng HCLĐ hạng nhì, 05 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc, trong thời gian đó có 04 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

2. HCLĐ hạng nhất để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc;

b) Đã được tặng thưởng HCLĐ hạng nhì, 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương hoặc có 04 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

3. Thành tích xuất sắc đột xuất và công trình, sáng kiến đặc biệt xuất sắc quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này cụ thể như sau:

a) Thành tích xuất sắc đột xuất là một trong các thành tích sau:

Mưu trí, dũng cảm cứu người, tài sản của Nhà nước và của nhân dân; phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, địch họa hoặc có thành tích đột xuất khác có phạm vi ảnh hưởng toàn quốc, khu vực, tỉnh, thành phố, có xác nhận của UBND cấp tỉnh, Bộ nơi xảy ra vụ việc.

b) Phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc hoặc có công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cụ thể như sau:

Phát minh, sáng chế hoặc chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, cấp tỉnh, Bộ được nghiệm thu đạt loại xuất sắc, đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao hoặc góp phần quan trọng giải quyết các vấn đề về lý luận, thực tiễn của đất nước, của ngành, lĩnh vực, địa phương được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về ngành, lĩnh vực đó thẩm định, xác nhận;

c) Nhà giáo có thành tích đặc biệt xuất sắc trong giảng dạy, bồi dưỡng học sinh, sinh viên đoạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng trong các kỳ thi quốc tế;

d) Có nghĩa cử cao đẹp, dũng cảm đấu tranh với những hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội có tác dụng nêu gương trong toàn quốc được xã hội ghi nhận và tôn vinh.

4. Việc đánh giá thành tích xuất sắc đột xuất và hiệu quả của phát minh, sáng chế, sáng kiến quy định tại Khoản 3 Điều này do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường chịu trách nhiệm thẩm định, đề xuất; Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ GD-ĐT thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương Lao động các hạng.

Điều 23. Tiêu chuẩn xét tặng “Huân chương Lao động” hạng nhì

1. HCLĐ hạng nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc, sáng tạo trong lao động, xây dựng Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả cao trong bộ, ngành, địa phương hoặc có công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc, tiêu biểu cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương được quy định cụ thể tại Khoản 3 Điều 22 Quy định này;

b) Đã được tặng thưởng HCLĐ hạng ba, 05 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong thời gian đó có 03 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

2. HCLĐ hạng nhì để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Đã được tặng thưởng HCLĐ hạng ba, 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương hoặc có 03 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

Điều 24. Tiêu chuẩn xét tặng “Huân chương Lao động” hạng ba

1. HCLĐ hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc, sáng tạo trong lao động, xây dựng Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc đột xuất hoặc có công trình khoa học, nghệ thuật, có sáng kiến được Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp bộ, cấp tỉnh đánh giá xuất sắc được quy định cụ thể tại Khoản 3 Điều 22 Quy định này, được ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao, thiết thực;

b) Đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, 05 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích xuất sắc, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

2. HCLĐ hạng ba để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Có quá trình xây dựng, phát triển từ 10 năm trở lên, trong thời gian đó đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương hoặc có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương và 02 Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

Điều 25. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu Anh hùng Lao động

Danh hiệu Anh hùng Lao động để tặng cho tập thể; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 61 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 26. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”

Danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” để tặng cho các nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đạt tiêu chuẩn quy định tại Nghị định số 27/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”.

Điều 27. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”

“Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” để xét tặng cho tác giả của một hoặc nhiều tác phẩm, công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ, giáo dục và văn học nghệ thuật thực hiện theo quy định tại Điều 46, Điều 47 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và các quy định của pháp luật.

Điều 28. Tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (BKTTCP)

1. BKTTCP để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc các bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;

c) Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương, 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 05 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

2. BKTTCP để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc các bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương, 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

3. Đơn vị, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất và công trình, sáng kiến đặc biệt xuất sắc quy định tại Khoản 3 Điều này được xem xét, đề nghị tặng BKTTCP. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường chịu trách nhiệm thẩm định, đề xuất; Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ GD-ĐT thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 29. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen Bộ trưởng Bộ GD-ĐT

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích cho các đơn vị, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch hàng năm hoặc nhiều năm.

a) Đối tượng:

Đơn vị, cá nhân quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều 2 Quy định này.

b) Tiêu chuẩn:

Đơn vị có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Bộ GD-ĐT công nhận là TTLĐXS;

Cá nhân có 02 năm liên tục được Hiệu trưởng đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

2. Khen thưởng chuyên đề cho đơn vị, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc thực hiện một đợt thi đua hoặc chuyên đề công tác do Chủ tịch nước, Thủ tướng chính phủ, Bộ trưởng phát động.

a) Đối tượng:

Đơn vị, cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 2 Quy định này.

b) Tiêu chuẩn:

Đơn vị tiêu biểu xuất sắc nhất được bình xét trong các phong trào thi đua do Bộ phát động;

Cá nhân có thành tích xuất sắc nhất được bình xét trong phong trào thi đua do Bộ phát động hoặc đoạt giải nhất, Huy chương Vàng tại các cuộc thi cấp quốc gia; đoạt giải nhất, nhì, ba, hoặc Huy chương Vàng, Bạc, Đồng tại các cuộc thi quốc tế.

3. Khen thưởng đột xuất cho các đơn vị, cá nhân khi đạt được thành tích đột xuất, dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân và của nhà nước. Thành tích đột xuất là thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân đảm nhận.

4. Cá nhân quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 2 Quy định này, trước khi nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và 05 năm

trước đó chưa được tặng Bằng khen Bộ trưởng được Bộ trưởng xét, quyết định tặng Bằng khen.

5. Đơn vị, cá nhân quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều 2 Quy định này được Bộ trưởng xét, quyết định tặng Bằng khen vào dịp kỷ niệm ngày thành lập của đơn vị (năm tròn, năm lẻ 05). Tiêu chuẩn và số lượng quy định như sau:

Đơn vị có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển từ 10 năm trở lên;

Cá nhân có thời gian công tác tại đơn vị từ 05 năm trở lên; có thành tích xuất sắc đóng góp cho quá trình xây dựng và phát triển đơn vị; số lượng đề nghị không quá 05 cá nhân/đơn vị, cá nhân trực thuộc Bộ đề nghị không quá 10 cá nhân/đơn vị, trong đó có ít nhất 03 giảng viên, người lao động.

6. Các trường hợp khác do Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 30. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” (KNCVSNGD)

Việc xét tặng KNCVSNGD thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 29 tháng 8 năm 2005 về việc ban hành KNCVSNGD và Quyết định số 27/2005/QĐ-BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT ngày 29 tháng 8 năm 2005 về việc ban hành Quy chế xét tặng KNCVSNGD và các quy định sau:

1. Cá nhân có thời gian công tác trong ngành Giáo dục đủ 25 năm trở lên đối với nam và đủ 20 năm trở lên đối với nữ, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Cá nhân đang công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các huyện nghèo được áp dụng hưởng chính sách như quy định đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được xét tặng sớm hơn thời gian quy định tại Khoản 1 Điều này là 05 năm.

3. Cá nhân có đủ điều kiện quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này nhưng bị kỷ luật từ hình thức khiển trách đến dưới hình thức kỷ luật buộc thôi việc chỉ được xét tặng KNCVSNGD tính từ thời điểm xóa kỷ luật. Thời gian thi hành kỷ luật không được tính để xét tặng KNCVSNGD.

Điều 31. Tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề khi sơ kết, tổng kết, khen Đại hội có thành tích từ 02 năm trở lên. Các cơ quan, đơn vị tổ chức sơ kết, tổng kết, Đại hội chủ trì phối hợp với cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để thống nhất hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn và đối tượng, số lượng khen thưởng; đối tượng được khen thưởng theo chuyên đề phải được xét chọn trong số cá nhân trực tiếp thực hiện.

b) Có 02 năm đạt danh hiệu CSTĐCS hoặc 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở hoặc tiêu biểu trong số những cá nhân được tặng danh

hiệu LĐTT 05 năm liên tục đến năm đề nghị khen thưởng, trong thời gian đó có 03 lần được tặng Giấy khen của Hiệu trưởng.

2. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức bình xét trong phong trào thi đua hàng năm;

b) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề khi sơ kết, tổng kết, khen Đại hội có thành tích từ 02 năm trở lên. Các cơ quan, đơn vị tổ chức sơ kết, tổng kết, Đại hội chủ trì phối hợp với cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua -Khen thưởng tỉnh để thống nhất hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn và đối tượng, số lượng khen thưởng; đối tượng được khen thưởng theo chuyên đề phải được xét chọn trong số trực tiếp thực hiện;

c) 02 năm liên tục đạt danh hiệu TTLĐXS hoặc tiêu biểu trong số những tập thể được tặng danh hiệu TTLĐTT 05 năm liên tục đến năm đề nghị khen thưởng và trong thời gian đó có 03 lần được tặng Giấy khen của Hiệu trưởng.

Điều 32. Tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen của Hiệu trưởng

Giấy khen của Hiệu trưởng là hình thức khen thưởng thường xuyên đối với tập thể, cá nhân vào dịp tổng kết công tác hàng năm hoặc khen theo chuyên đề, khen đột xuất.

1. Giấy khen để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Là tập thể tiêu biểu được lựa chọn trong số các tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có tác dụng nêu gương cho các tập thể khác trong trường học tập;

b) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

c) Lập thành tích xuất sắc, đột xuất nhưng chưa đến mức tặng bằng khen.

d) Tỷ lệ tập thể được đề nghị tặng Giấy khen của Hiệu trưởng không vượt quá 15% số tập thể đạt danh hiệu TTLĐTT (trừ giấy khen theo đợt, theo chuyên đề hoặc đột xuất).

2. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Là cá nhân tiêu biểu được lựa chọn trong số cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có tác dụng nêu gương, lời cuốn phong trào thi đua của đơn vị;

b) Hoàn thành nghĩa vụ công dân, có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

c) Lập thành tích xuất sắc đột xuất nhưng chưa đến mức tặng bằng khen.

d) Tỷ lệ cá nhân được Hiệu trưởng tặng giấy khen không vượt quá 16% số cá nhân đạt danh hiệu LĐTT của đơn vị (trừ giấy khen theo đợt, theo chuyên đề hoặc đột xuất).

Chương IV
THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG
VÀ TỔ CHỨC TRAO TẶNG

Điều 33. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Cấp Nhà nước:

a) Chủ tịch nước quyết định tặng huân chương, huy chương, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, danh hiệu vinh dự nhà nước;

b) Chính phủ quyết định tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”; Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng danh hiệu CSTĐTQ, BKTTCP.

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định: tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT, KNCVSNGD, Cờ thi đua của Bộ GD-ĐT; công nhận danh hiệu CSTĐCB, TTLĐXS.

3. Hiệu trưởng Trường ĐHQN quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu LĐTT, CSTĐCS.

Điều 34. Quy trình xét thi đua, khen thưởng

1. Thời gian tổ chức bình xét:

Trường tổ chức bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng theo năm học. Hàng năm, vào cuối học kỳ II năm học, các đơn vị căn cứ hồ sơ đăng ký thi đua và thành tích đạt được để bình xét các cá nhân và tập thể tiêu biểu, đạt thành tích xuất sắc để đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường xét, công nhận hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét, công nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng năm học.

2. Quy trình bình xét:

a) Bước 1: Cá nhân và tập thể đã đăng ký danh hiệu thi đua, khen thưởng viết báo cáo thành tích nếu thấy đủ tiêu chuẩn. Đơn vị tổ chức họp để cá nhân, tập thể trình bày báo cáo thành tích trước đơn vị; tiến hành rà soát các tiêu chuẩn (kèm minh chứng - nếu có), bình xét, đánh giá, bỏ phiếu kín đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng cho cá nhân, tập thể thuộc đơn vị. Căn cứ kết quả cuộc họp, đơn vị lập hồ sơ đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường xét, duyệt danh hiệu thi đua, khen thưởng (kèm sáng kiến cải tiến của tập thể, cá nhân - nếu có).

b) Bước 2: Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, bộ phận thi đua, khen thưởng (Phòng Hành chính - Tổng hợp) rà soát, kiểm tra hồ sơ, minh chứng thành tích; tổng hợp danh sách và minh chứng của những tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường.

c) Bước 3: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường tổ chức họp bình xét và bỏ phiếu bầu chọn danh hiệu thi đua, khen thưởng cho các tập thể và cá nhân đủ tiêu chuẩn.

d) Bước 4: Căn cứ kết quả bầu chọn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường, Hiệu trưởng Nhà trường ra quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xét, công nhận và đề nghị công nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng.

Điều 35. Hồ sơ đề nghị các danh hiệu thi đua, khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng gồm:

a) Tờ trình của trường đơn vị đề nghị các danh hiệu thi đua, khen thưởng tập thể và cá nhân của đơn vị;

b) Danh sách đề nghị các cá nhân và tập thể kèm theo tờ trình (xếp theo thứ tự tỉ lệ bỏ phiếu từ cao xuống thấp tại đơn vị);

c) Biên bản cuộc họp;

d) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân (kèm minh chứng);

đ) Trích ngang thành tích của tập thể, cá nhân (gồm cả bản giấy và bản điện tử).

Các văn bản trong hồ sơ đề nghị các danh hiệu thi đua, khen thưởng phải trình bày theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

2. Quy định số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng cấp Trường: 01 bộ;

b) Hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng cấp Bộ, tỉnh: 02 bộ;

c) Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước: 05 bộ;

3. Thời gian tiếp nhận hồ sơ:

a) Hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng các cấp gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường (qua Phòng Hành chính - Tổng hợp) **trước ngày 15/6 hàng năm**;

b) Hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng cấp Bộ, tỉnh gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường (qua Phòng Hành chính - Tổng hợp) **trước ngày 25/7 hàng năm** (đối với cấp Bộ), **trước ngày 05/7 hàng năm** (đối với cấp tỉnh);

c) Hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng cấp Nhà nước gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường (qua Phòng Hành chính - Tổng hợp) **trước ngày 15/9 hàng năm**;

d) Hồ sơ khen thưởng đột xuất: Ngay sau khi đơn vị, cá nhân lập được thành tích, trường đơn vị có trách nhiệm trình Hiệu trưởng xét, quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét, quyết định khen thưởng.

Điều 36. Tổ chức trao tặng

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm, nghi thức trao tặng, đón nhận

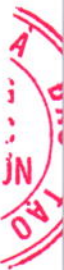
hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua, nghi lễ đối ngoại và đón tiếp khách nước ngoài.

Chương V

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

Điều 37. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường

1. Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng.
2. Thành phần Hội đồng gồm:
 - a) Chủ tịch: Hiệu trưởng;
 - b) Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng trực tiếp phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của nhà trường, Chủ tịch Công đoàn trường;
 - c) Ủy viên: Đại diện cấp ủy Đảng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, trưởng các đơn vị; trưởng đơn vị phụ trách công tác thi đua, khen thưởng hoặc người được giao phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của nhà trường là ủy viên thường trực kiêm thư ký Hội đồng.
3. Nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng
 - a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và biểu quyết theo đa số. Trường hợp ý kiến các thành viên Hội đồng ngang nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng là quyết định;
 - b) Các cuộc họp của Hội đồng được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng tham dự;
 - c) Tổ chức, triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của Bộ GD-ĐT về công tác thi đua, khen thưởng và tổ chức phong trào thi đua trong nhà trường;
 - d) Định kỳ đánh giá phong trào thi đua, công tác khen thưởng của nhà trường, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua trong từng năm và từng giai đoạn;
 - đ) Xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua và khen thưởng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của nhà trường;
 - e) Xét chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước đề nghị Bộ trưởng Bộ GD-ĐT xét, quyết định công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc đề Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét, quyết định khen thưởng;
 - g) Quy định về kết quả bỏ phiếu của Hội đồng khi xét, công nhận hoặc đề nghị công nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng nói chung, tỷ lệ phiếu bầu phải đạt từ 2/3 số phiếu thành viên Hội đồng theo quyết định thành lập. Riêng danh hiệu CSTĐB, CSTĐTQ, danh hiệu vinh dự Nhà nước tỷ lệ phiếu bầu phải đạt từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng theo quyết định thành lập (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu).



Chương VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 38. Nguồn và mức trích lập quỹ thi đua, khen thưởng

Nguồn và mức trích lập quỹ thi đua, khen thưởng được thực hiện theo Quy định tại Điều 67 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

Điều 39. Sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

Sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 68, 69 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và khoản 1, Điều 4, Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính.

Điều 40. Trách nhiệm, mức thưởng và nguyên tắc chi thưởng

1. Trách nhiệm chi thưởng

a) Bộ GD-ĐT chịu trách nhiệm chi thưởng đối với:

Các đơn vị và cá nhân được khen thưởng cấp nhà nước do Bộ trưởng trình;

b) Trường chịu trách nhiệm chi thưởng đối với:

Các đơn vị và cá nhân được Bộ trưởng công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng;

Các đơn vị và cá nhân được Hiệu trưởng công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng;

Các trường hợp khác do Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

2. Mức chi

Thực hiện theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 74, Điều 75, Điều 76 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và Quy chế Chi tiêu nội bộ Trường ĐHQN; tiền thưởng được làm tròn đến hàng chục ngàn đồng Việt Nam.

3. Nguyên tắc chi thưởng

a) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất;

b) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua;

c) Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua, vừa đạt hình thức khen thưởng thì nhận được tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

Điều 41. Các chế độ ưu đãi khác

Trong thi đua, khen thưởng thường xuyên, cá nhân được tặng danh hiệu CSTĐCS, CSTĐCB, CSTĐTQ; được khen thưởng bằng các hình thức: Bằng khen của Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại; được tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà

nước, ngoài việc khen thưởng theo quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ, được ưu tiên xét nâng lương trước thời hạn, cử đi học tập, nghiên cứu, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Tổ chức thực hiện

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường ĐHQN, Trường các đơn vị trực thuộc và các tập thể, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Điều 43. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường Đại học Quy Nhơn (ban hành kèm theo Quyết định số 673/QĐ-ĐHQN ngày 23/5/2016).

2. Trong quá trình thực hiện, nếu Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng có sửa đổi, bổ sung hoặc Quy định này có vấn đề vướng mắc, phát sinh, các đơn vị phản ánh về bộ phận phụ trách công tác thi đua, khen thưởng Trường để trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. /.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
QUY NHƠN
GS. TS. Nguyễn Hồng Anh

PHỤ LỤC 1

BẢNG ĐIỂM

Sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành tích được tính là sáng kiến

(Áp dụng xét, công nhận danh hiệu thi đua theo Quy định về công tác thi đua, khen thưởng Trường ĐHQN, ban hành kèm theo Quyết định số 2525/QĐ-ĐHQN ngày 14/12/2016)

TT	Các thành tích được tính là sáng kiến	Số điểm
1	Thực hiện đề tài NCKH (dự án) các cấp đã nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên <i>* Trường hợp đề tài có 02 người trở lên tham gia, chủ nhiệm đề tài được hưởng ½ số điểm, ½ số điểm còn lại chia đều cho các thành viên tham gia (kể cả chủ nhiệm đề tài).</i>	
	- Đề tài (dự án) NCKH trọng điểm cấp Nhà nước; đề tài (dự án) độc lập cấp Nhà nước và dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước; đề tài cấp Nhà nước thuộc Quỹ phát triển NCKH quốc gia (Nafosted)	6,0 điểm/đề tài
	- Đề tài (dự án) cấp Bộ, Tỉnh	4,0 điểm/đề tài
	- Đề tài NCKH cấp Trường	2,0 điểm/đề tài
2	Thực hiện các hợp đồng NCKH, chuyển giao kỹ thuật và công nghệ, tham gia các cuộc thi sáng tạo, sáng kiến kinh nghiệm <i>* Trường hợp có 02 người trở lên tham gia, tác giả được hưởng ½ số điểm, ½ số điểm còn lại chia đều cho các thành viên (kể cả tác giả)</i>	
	- Được cấp bằng phát minh, sáng chế cấp Nhà nước	6,0 điểm/sáng chế
	- Sản phẩm NCKH được thương mại hóa hoặc thực tiễn chấp thuận rộng rãi (có bản quyền)	3,5 điểm/sản phẩm
	- Được cấp Bằng lao động sáng tạo cấp Tổng Liên đoàn Lao động, cấp Tỉnh	3,0 điểm/sáng tạo
	- Sáng kiến kinh nghiệm cấp Trường đã nghiệm thu đạt yêu cầu và được đưa vào sử dụng	1,0 điểm/sáng kiến
3	Bài báo được đăng trên các tạp chí và kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học <i>* Trường hợp bài báo có nhiều người tham gia, số điểm được chia đều cho tất cả các tác giả</i>	
	- Bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh mục ISI	3,0 điểm/bài
	- Bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành (được các Hội đồng chức danh giáo sư ngành, liên ngành tính điểm)	2,0 điểm/bài
	- Báo cáo KH tại các hội nghị KH quốc tế đăng toàn văn trong kỷ yếu hội nghị có phần biện khoa học	1,5 điểm/bài

	- Bài báo đăng trên các tạp chí khoa học các trường đại học, viện nghiên cứu có chỉ số ISSN; báo cáo khoa học tại các hội nghị khoa học quốc gia đăng toàn văn trong kỷ yếu hội nghị có phản biện khoa học	1,0 điểm/bài
	- Báo cáo khoa học tại các hội nghị khoa học cấp trường đại học, viện nghiên cứu đăng toàn văn trong kỷ yếu hội nghị có phản biện khoa học	0,5 điểm/bài
4	Biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo <i>* Trường hợp sách có nhiều đồng tác giả, chủ biên được 1/3 số điểm, số điểm còn lại chia cho tất cả các thành viên (kể cả chủ biên) tùy theo số trang đóng góp của từng người</i>	
	- Sách chuyên khảo đã xuất bản	5,0 điểm/đầu sách
	- Sách tham khảo đã xuất bản	3,0 điểm/đầu sách
	- Giáo trình đã xuất bản	3,0 điểm/đầu sách
	- Giáo trình lưu hành nội bộ	2,0 điểm/đầu sách
5	Hướng dẫn sinh viên NCKH	
	- Đề tài NCKH sinh viên đạt giải cấp Bộ và tương đương	1,0 điểm/đề tài
	- Đề tài NCKH sinh viên đạt giải cấp Trường (≤ 2 đề tài/GV)	0,5 điểm/đề tài
	- Đề tài NCKH sinh viên cấp Trường đã nghiệm thu đạt yêu cầu (≤ 2 đề tài/GV)	0,25 điểm/đề tài
6	Thực tiếp giảng dạy, bồi dưỡng sinh viên dự thi Olympic đoạt huy chương <i>* Điểm chia đều cho các thành viên tham gia giảng dạy, bồi dưỡng</i>	
	- Huy chương Vàng	1,5 điểm/giải
	- Huy chương Bạc	1,0 điểm/giải
	- Huy chương Đồng	0,5 điểm/giải
7	Soạn thảo quy chế, quy định, đề án được Hiệu trưởng ký ban hành áp dụng trong Trường	
	- Chủ trì	1,0 điểm/văn bản
	- Thường trực	0,5 điểm/văn bản
	- Tham gia	0,25 điểm/văn bản

PHỤ LỤC 2

MỘT SỐ MẪU VĂN BẢN ÁP DỤNG TRONG HỒ SƠ ĐĂNG KÝ, ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 673/QĐ-ĐHQN ngày 23/5/2016 về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng Trường ĐH Quy Nhơn)

Mẫu	Nội dung	Ghi chú
DK1	Biên bản họp đăng ký thi đua, khen thưởng	
DK2	Bản đăng ký thi đua (đối với <i>cá nhân</i>)	
DK3	Bản đăng ký thi đua (đối với <i>tập thể</i>)	
TK1	Tờ trình đề nghị xét, công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng	
TK2	Biên bản họp bình xét thi đua, khen thưởng	
TK3	Bản tổng hợp trích ngang thành tích cá nhân	
TT4	Mẫu Báo cáo thành tích đối với <i>cá nhân</i> đề nghị xét tặng danh hiệu <i>CSTĐCS</i>	
TT5a	Mẫu Báo cáo thành tích đối với <i>tập thể Khoa</i> đề nghị xét tặng danh hiệu <i>TTLĐTT</i>	
TT5b	Mẫu Báo cáo thành tích đối với <i>tập thể Phòng, Trung tâm, Trạm</i> đề nghị xét tặng danh hiệu <i>TTLĐTT</i>	
TT6	Mẫu Báo cáo thành tích đối với <i>cá nhân</i> đề nghị tặng thưởng <i>Huân chương, Bằng khen của TTCP; Bằng khen của Bộ; Giấy khen của Hiệu trưởng; CSTĐTQ, CSTĐCB</i>	Theo Nghị định 39/2012/NĐ-CP Mẫu số 2
TT7	Mẫu Báo cáo thành tích đối với <i>tập thể</i> đề nghị tặng thưởng <i>Huân chương; Bằng khen của TTCP; Bằng khen của Bộ; Giấy khen của Hiệu trưởng; TTLĐXS</i>	Theo Nghị định 39/2012/NĐ-CP Mẫu số 1
TT8	Mẫu Báo cáo thành tích đối với <i>cá nhân</i> đề nghị tặng thưởng <i>Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh</i>	Theo Hướng dẫn số 1456/HD-SNV ngày 27/11/2014 Mẫu số 04
TT9	Mẫu Báo cáo thành tích đối với <i>tập thể</i> đề nghị tặng thưởng <i>Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh</i>	Theo Hướng dẫn số 1456/HD-SNV ngày 27/11/2014 Mẫu số 07

TT10	Mẫu Tóm tắt thành tích đề nghị xét tặng <i>Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”</i>	Theo QĐ số 27/2005/QĐ-BGD&ĐT
-------------	---	------------------------------

Thể thức và kỹ thuật trình bày của các mẫu văn bản trong Phụ lục này phải được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.